

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 8024

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24, mỗi câu thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Cụm từ GDP/người thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc dân bình quân theo đầu người.
- B. Tổng sản phẩm quốc dân.
- C. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người.
- D. Tổng sản phẩm quốc nội.

Câu 2. Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

- A. Lạm phát và thất nghiệp.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Tiến bộ và công bằng xã hội.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Câu 3. Một trong những biểu hiện của hợp tác kinh tế quốc tế là các quốc gia có thể cùng quốc gia khác tham gia

- A. áp đặt thuế tối thiểu toàn cầu.
- B. thỏa thuận thương mại ưu đãi.
- C. mở rộng phạm vi lãnh thổ.
- D. xâm chiếm quốc gia khác.

Câu 4. Phát biểu nào dưới đây là đúng về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng thu nhập của từng cá nhân trong một thời kỳ nhất định.
- B. Mức tăng dân số của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.
- C. Mức tăng chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập.
- D. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.

Câu 5. Ngày 11/11/2011 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê được ký kết và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. châu lục.
- B. toàn cầu.
- C. khu vực.
- D. song phương.

Câu 6. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”. Điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Bình đẳng.
- B. Thỏa thuận.
- C. Công bằng.
- D. Cùng có lợi.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 7, 8, 9

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư, mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Việt Nam trở thành một trong 20 nền thương mại hàng đầu thế giới.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.
- B. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.
- C. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- D. Tăng cường quốc phòng.

Câu 8. Khi gia nhập tổ chức Thương mại thế giới WTO, Việt Nam có điều kiện tham gia sâu vào hoạt động nào dưới đây cùng với các nước trên thế giới?

- A. Chuỗi giá trị và sản xuất.
- B. Cung cố quốc phòng.
- C. Hệ thống thanh toán tiền tệ.
- D. Giữ gìn hòa bình.

Câu 9. Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập toàn diện.
- B. Hội nhập toàn cầu.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập khu vực.

Câu 10. Theo quy định của pháp luật, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm người lao động và

A. thân nhân người lao động.

B. người đào tạo lao động.

C. người sử dụng lao động.

D. cơ quan quản lý lao động.

Câu 11. Phát biểu nào dưới đây là **sai** về vai trò của bảo hiểm?

A. Bảo hiểm góp phần làm ổn định ngân sách nhà nước, giúp cá nhân hình thành thói quen tiết kiệm, an toàn hơn cho tương lai.

B. Bảo hiểm tài sản giúp doanh nghiệp bảo đảm về tài sản và ổn định sản xuất kinh doanh.

C. Tham gia bảo hiểm xã hội sẽ giúp mỗi cá nhân tham gia được an tâm tài chính khi về già.

D. Bảo hiểm thất nghiệp chỉ có ý nghĩa đối với người bị mất việc làm thời kì dịch bệnh.

Câu 12. Với loại hình bảo hiểm xã hội, người lao động sẽ nhận được quyền lợi bảo hiểm dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội.

B. Vị thế xã hội lúc tham gia.

C. Mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

D. Địa vị xã hội khi tham gia.

Câu 13. Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm dân sự.

B. Bảo hiểm con người.

C. Bảo hiểm thương mại.

D. Bảo hiểm xã hội.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15, 16

Trong năm 2023 toàn tỉnh A đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% /năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

Câu 14. Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh A đã thực hiện?

A. Chính sách thu nhập.

B. Chính sách bảo hiểm.

C. Chính sách giảm nghèo.

D. Chính sách việc làm.

Câu 15. Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh A triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

A. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.

B. Chính sách bảo hiểm xã hội.

C. Chính sách dịch vụ xã hội.

D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội mà tỉnh A đã triển khai?

A. Tăng thu nhập cho người dân.

B. Thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.

C. Giải quyết vấn đề việc làm.

D. Giúp người nghèo ổn định cuộc sống.

Câu 17. Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

A. Chuyển giao quyền lợi bảo hiểm.

B. Tố cáo hành vi trục lợi bảo hiểm.

C. Đóng bảo hiểm đầy đủ và kịp thời.

D. Tư vấn lợi ích tham gia bảo hiểm.

Câu 18. Phát biểu nào dưới đây là **sai** về sự cần thiết phải quản lý thu chi trong gia đình?

A. Quản lý thu chi trong gia đình sẽ gia tăng sự lệ thuộc vào tài chính.

B. Quản lý thu chi trong gia đình thúc đẩy thói quen chi tiêu hợp lý.

C. Quản lý thu chi trong gia đình nhằm điều chỉnh thói quen chi tiêu.

D. Quản lý thu chi trong gia đình sẽ kiểm soát được nguồn thu của gia đình.

Câu 19. Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

A. thời điểm thất bại.

B. thời gian thành công.

C. mục tiêu hướng tới.

D. lợi nhuận thực tế.

Câu 20. Nhận định nào dưới đây là **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc lập kế hoạch kinh doanh?

A. Tăng lợi nhuận kinh doanh ngay lập tức.

B. Giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh doanh.

C. Duy trì thị trường và xây dựng quan hệ tốt với khách hàng.

D. Tăng khả năng huy động vốn cho doanh nghiệp.

Câu 21. Trách nhiệm kinh tế của các doanh nghiệp **không** thể hiện ở việc mỗi chủ thể kinh tế vì mục tiêu lợi nhuận đã

A. đảm bảo lợi ích người tiêu dùng.

B. đầu cơ tích trữ nhiều hàng hóa.

C. nâng cao năng suất lao động.

D. gia tăng phúc lợi cho công nhân.

Câu 22. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H bàn bạc thống nhất mục tiêu sau 2 năm sẽ mua sắm được những đồ dùng thiết yếu trong gia đình và tiết kiệm được khoảng 200 triệu đồng. Vợ chồng anh H đã thực hiện bước nào dưới đây của quá trình lập kế hoạch thu chi trong gia đình?

A. Xác định các nguồn thu nhập.

B. Xác định nguồn thu thiết yếu.

C. Xác định mục tiêu tài chính.

D. Xác định khoản chi thiết yếu.

Đọc thông tin số liệu bảng sau đây và trả lời các câu hỏi 23, 24

Chỉ số	Kết quả đạt được		
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. GDP/người (USD/người)	3.000	3.521	3.547
2. Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,726	0,734	0,739
3. Tuổi thọ bình quân (tuổi)	75	73,7	73,8
4. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân/năm (%)	1,5	1,4	1,32
5. Hệ số giãn cách thu nhập (lần)	8	9,79	10
6. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thi nhập (GINI)	0,374	0,375	0,424

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Văn kiện Đại hội Đảng, Niên giám Thống kê, Điều tra mức sống dân cư, báo cáo phát triển con người của UNDP

Câu 23. Nhận định nào sau đây đúng với thông tin số liệu bảng trên?

A. Trong thời gian trên, Việt Nam chưa đạt được những thành tựu về sự phát triển kinh tế - xã hội.

B. Bảng thông tin cho thấy, Việt Nam đạt mục tiêu phấn đấu cao đối với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội.

C. Trong quá trình thực hiện tăng trưởng nhanh, tốc độ cải thiện các yếu tố tiến bộ xã hội cho con người có động thái giảm dần.

D. Nâng cao mức sống dân cư, xóa đói giảm nghèo và phát triển con người có hiệu ứng tích cực.

Câu 24. Số liệu ở thông tin bảng trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Phát triển kinh tế.

B. Chất lượng cuộc sống.

C. Công bằng xã hội.

D. Tăng trưởng kinh tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Vợ chồng anh N có tổng thu nhập từ 30 - 40 triệu đồng/tháng. Kể từ khi mới kết hôn, anh chị đã thống nhất cách thức kiểm soát thu, chi. Mọi nguồn thu của các thành viên trong gia đình đều được ghi chép lại và người vợ sẽ giữ tiền. Họ dự định sau 5 năm sẽ mua đất để làm nhà. Bên cạnh đó, anh chị còn đưa ra 4 cách kiểm soát nguồn chi: chỉ mua sắm vào những ngày quy định, chi tiêu có mục đích, tạo một danh sách mua sắm trước khi mua và tạo ra giới hạn chi tiêu. Nhờ vậy mà gia đình anh N luôn đạt trạng thái chi tiêu hiệu quả và tiết kiệm được những khoản tiền đều đặn hàng tháng.

a) Số tiền 30 - 40 triệu đồng/tháng là căn cứ lớn nhất để vợ chồng anh N xây dựng kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình.

b) Vợ chồng anh N không cần điều chỉnh kế hoạch quản lý thu chi trong gia đình vì biện pháp này đã phù hợp.

c) Vợ chồng anh N không xác định mục tiêu tài chính rõ ràng.

d) Việc kiên trì thực hiện 4 cách kiểm soát nguồn chi sẽ làm cho vấn đề chi tiêu trong gia đình không hiệu quả.

Câu 2. Công ty H chuyên sản xuất máy móc phục vụ cho nông nghiệp. Từ khi sản xuất kinh doanh có hiệu quả, công ty luôn chú trọng bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp giảm lượng chất thải như rác, khói bụi, nước xả, các chất thải rắn. Công ty H còn hợp tác với tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế và Ủy ban nhân dân tỉnh K

để bảo tồn các vùng đất ngập nước tự nhiên và các môi trường sống khác. Công ty đầu tư xây dựng ba công trình công cho cộng đồng, đáp ứng các tiêu chí công trình xanh, được công nhận là sản phẩm xanh.

a) Biện pháp giảm chất thải, xử lý rác, khói bụi và chất thải rắn là phù hợp với trách nhiệm pháp lý mà mỗi doanh nghiệp phải thực hiện khi kinh doanh.

b) Việc đóng góp xây dựng các công trình công cộng cho cộng đồng là việc làm phù hợp với trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.

c) Quá trình công ty hợp tác với các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Hoạt động hợp tác với tổ chức quốc tế và chính quyền địa phương để bảo tồn vùng đất ngập nước tự nhiên là thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp.

Câu 3. Sau khi tốt nghiệp đại học ngành công nghệ sinh học, với lợi thế là nhà gần các trường đại học, lại có diện tích đất lớn, chị D quyết định lập nghiệp bằng con đường kinh doanh sản phẩm cây cảnh mini với mong muốn sau hai năm sẽ thành lập một doanh nghiệp phân phối các sản phẩm này. Xác định, đây là lĩnh vực kinh doanh không đòi hỏi vốn lớn, trong khi thị trường là các bạn sinh viên có nhu cầu khá cao về loại sản phẩm này, lại không đòi hỏi phải thuê nhiều lao động. Khi bắt tay vào thực hiện công việc kinh doanh, chị D đã tìm nguồn hàng ở nhiều nơi có truyền thống kinh doanh cây cảnh để nhập về, ngoài việc thuê một cửa hàng gần trường đại học để bán và giới thiệu sản phẩm, chị D còn ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đăng và quảng bá sản phẩm. Do thời gian đầu chưa có nhiều kinh nghiệm, nên sản phẩm chị cung cấp nhiều cây gặp sâu bệnh chết, đối tượng khách hàng chưa thực sự nhiều, vốn bỏ ra tuy được bảo toàn nhưng lợi nhuận không cao. Từ thực tế kinh doanh, chị quyết định mở rộng sản xuất và lên kế hoạch đầu tư thêm nhiều cửa hàng mới cũng như phát triển kênh truyền thông nhằm mở rộng thị trường.

a) Việc lập kế hoạch kinh doanh đã giúp chị D phát huy tốt được các lợi thế của mình.

b) Chị D đã biết dựa vào lợi thế nội tại của mình để xác định ý tưởng kinh doanh.

c) Việc đặt mục tiêu sau hai năm sẽ thành lập doanh nghiệp là không hợp lý.

d) Chị D chưa biết phân tích các điều kiện về thị trường, về tài chính khi thực hiện ý tưởng kinh doanh.

Câu 4. Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả chị và con chị.

a) Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.

b) Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.

c) Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

d) Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

---HẾT---

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
C	A	B	D	D	D	A	A	B	C	D	C	D	D	A	B	C	A	C	A	B	C	D	A

1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d
D	S	S	S	D	D	S	S	D	D	S	S	S	D	S	S